VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương bao gồm:

1. Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp.

2. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định.

2. Thương nhân Việt Nam, thương nhân của nước thành viên của Hiệp định, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khác có liên quan đến điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi Hiệp định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiệp định là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

2. Nước thành viên là bất kỳ Nhà nước hoặc lãnh thổ hải quan riêng biệt nào thực thi Hiệp định.

3. Hàng hóa tương tự là hàng hóa có tất cả các đặc tính giống với hàng hóa bị điều tra. Trong trường hợp không có hàng hóa nào như vậy thì hàng hóa tương tự là hàng hóa có nhiều đặc tính cơ bản giống với hàng hóa bị điều tra.

4. Hàng hóa cạnh tranh trực tiếp là hàng hóa có khả năng được người mua chấp nhận thay thế cho hàng hóa thuộc phạm vi áp dụng các biện pháp tự vệ do ưu thế về giá và mục đích sử dụng.

5. Giai đoạn chuyển tiếp đối với một hàng hóa cụ thể là 03 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu vào Việt Nam của hàng hóa đó diễn ra trong thời gian dài hơn, giai đoạn chuyển tiếp sẽ là thời gian xóa bỏ thuế của hàng hóa đó.

6. Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp (sau đây gọi là biện pháp tự vệ chuyển tiếp) là biện pháp được quy định tại Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương và quy định tại Điều 6.3 Chương 6 của Hiệp định.

7. Giai đoạn chuyển tiếp đối với hàng dệt may là thời gian bắt đầu từ khi Hiệp định có hiệu lực cho đến hết 05 năm sau ngày Việt Nam xóa bỏ thuế cho hàng dệt may của Nước thành viên xuất khẩu theo Hiệp định.

8. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may là biện pháp được quy định tại Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương và quy định tại Điều 4.3 Chương 4 của Hiệp định.

9. Ngành sản xuất trong nước là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước.

10. Ngày Hiệp định có hiệu lực là ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Điều 4. Bên liên quan trong vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp và biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Bên liên quan trong vụ việc điều tra biện pháp tự vệ chuyển tiếp, biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may gồm:

a) Tổ chức, cá nhân của nước thành viên sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào lãnh thổ Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

c) Hiệp hội của nước thành viên có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

d) Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

đ) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may;

e) Tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

g) Hiệp hội trong nước có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

h) Tổ chức, cá nhân khác có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến điều tra hoặc có thể giúp ích cho quá trình điều tra hoặc tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân phải đăng ký và được Cơ quan điều tra chấp thuận để trở thành bên liên quan trong vụ việc điều tra phù hợp với quy định của Luật Quản lý ngoại thương về thủ tục đăng ký.

3. Bên liên quan trong vụ việc điều tra được tiếp cận thông tin, tài liệu mà bên liên quan khác đã cung cấp cho Cơ quan điều tra theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Quản lý ngoại thương và Điều 11 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Chương II
BIỆN PHÁP TỰ VỆ CHUYỂN TIẾP

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Không áp dụng đồng thời biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với cùng một hàng hóa, trong cùng một thời điểm, với một trong các biện pháp dưới đây:

a) Biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam được quy định tại Luật Quản lý ngoại thương;

b) Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may được quy định tại Thông tư này.

2. Không áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp vượt quá giai đoạn chuyển tiếp.

3. Không áp dụng quá một lần biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với cùng một hàng hóa.

4. Không áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc trường hợp áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết trong Hiệp định.

5. Không áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp bằng biện pháp áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc hạn ngạch nhập khẩu.

6. Việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải được thực hiện phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 10/2018/NĐ-CP và các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

Điều 6. Quy định về thông tin trong Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp (trong Chương này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng bổ sung các nội dung cụ thể sau đây:

a) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu theo điểm d Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP là thông tin về hàng hóa nhập khẩu từ một hoặc nhiều nước thành viên bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp. Trong đó, thông tin về mã số hàng hóa và mức thuế nhập khẩu phải căn cứ theo Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định.

b) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu bị điều tra theo điểm e Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất có 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất có 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập là toàn bộ thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước tính đến thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu;

d) Thông tin về giai đoạn chuyển tiếp của hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

Điều 7. Lập Hồ sơ yêu cầu trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu

1. Trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu nhưng có dấu hiệu rõ ràng về việc hàng hóa nhập khẩu quá mức do giảm thuế hoặc xóa bỏ thuế theo Hiệp định từ một hoặc nhiều nước thành viên vào Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra có thể lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.

2. Nội dung Hồ sơ yêu cầu do Cơ quan điều tra lập phải bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này, ngoại trừ điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bộ Công Thương.

Điều 8. Áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp khi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra từ một hay nhiều nước thành viên do kết quả của việc giảm thuế hoặc xóa bỏ thuế của hàng hóa đó theo Hiệp định.

Trong trường hợp sự gia tăng nhập khẩu từ hai nước thành viên bị điều tra trở lên, khối lượng, số lượng nhập khẩu bị điều tra của từng nước thành viên phải có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực của các nước thành viên;

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

2. Biện pháp tự vệ chuyển tiếp được áp dụng gồm:

a) Đình chỉ việc tiếp tục giảm thuế suất theo quy định của Hiệp định đối với hàng hóa bị điều tra;

b) Tăng thuế suất đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất ưu đãi có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định có hiệu lực, tùy mức thuế suất nào thấp hơn.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp không được vượt quá 02 năm. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận rằng cần tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước, thời hạn áp dụng có thể kéo dài thêm tối đa 01 năm.

4. Trong trường hợp biện pháp tự vệ chuyển tiếp dài hơn 01 năm, biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải được nới lỏng dần đều trong suốt quá trình áp dụng biện pháp.

5. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đó.

Chương III
BIỆN PHÁP KHẨN CẤP ĐỐI VỚI HÀNG DỆT MAY

Điều 9. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Không áp dụng đồng thời biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may đối với cùng một hàng hóa, trong cùng một thời điểm, với một trong các biện pháp dưới đây:

a) Biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng nước ngoài vào Việt Nam được quy định tại Luật quản lý ngoại thương;

b) Biện pháp tự vệ chuyển tiếp được quy định tại Thông tư này.

2. Không áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may quá giai đoạn chuyển tiếp đối với hàng dệt may đó.

3. Không áp dụng quá một lần biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may đối với cùng một hàng hóa.

4. Việc điều tra, áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may phải được thực hiện phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 10/2018/NĐ-CP và các quy định Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này.

Điều 10. Quy định về thông tin trong Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may (trong Chương này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng bổ sung các nội dung cụ thể sau đây:

a) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu theo điểm d Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP là thông tin mô tả về hàng dệt may bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp khẩn cấp bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và Việt Nam; mã số hàng hóa và mức thuế nhập khẩu có hiệu lực áp dụng theo Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi thực hiện Hiệp định;

b) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng dệt may nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và trong đó ít nhất có 03 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất 03 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

d) Thông tin về giai đoạn chuyển tiếp của hàng dệt may nhập khẩu bị yêu cầu điều tra, áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may.

Điều 11. Lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ yêu cầu

1. Trong trường hợp không có tổ chức, cá nhân yêu cầu nhưng có dấu hiệu rõ ràng về việc gia tăng nhập khẩu hàng dệt may vào Việt Nam do cắt giảm thuế theo Hiệp định trong giai đoạn chuyển tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra tiến hành lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.

2. Nội dung Hồ sơ do Cơ quan điều tra lập phải bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 10 của Thông tư này, ngoại trừ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bộ Công Thương.

Điều 12. Áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may khi Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng sản xuất trong nước của hàng dệt may bị điều tra từ một hay nhiều nước thành viên do kết quả hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

2. Trên cơ sở xem xét các yếu tố gồm sản lượng, công suất thực tế, năng suất, tồn kho, thị phần, xuất khẩu, lao động, tiền lương, giá bán trong nước, lợi nhuận và đầu tư, cơ quan điều tra xác định thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này. Các yếu tố liên quan đến thay đổi công nghệ hoặc thay đổi thị hiếu người tiêu dùng sẽ không được xem xét.

3. Biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may được áp dụng dưới hình thức tăng thuế suất đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất ưu đãi có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định có hiệu lực, tùy mức thuế suất nào thấp hơn.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp không được vượt quá 02 năm và có thể gia hạn thêm tối đa 02 năm.

5. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may đó.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Cơ quan điều tra xem xét tiếp nhận hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp hoặc hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may theo hiệu lực của Hiệp định.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh